Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-04-01 08:15:09 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa

Thông tư số 29/2024/TT-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 12/2026/TT-BCT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa như sau[1].

---

[1] Thông tư số 12/2026/TT-BCT bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định phương pháp xác định mức sử dụng năng lượng, định mức sử dụng năng lượng, chế độ báo cáo trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở sản xuất các sản phẩm nhựa bao gói, nhựa vật liệu xây dựng, nhựa gia dụng, nhựa kỹ thuật có mức sử dụng điện từ 3.000.000 kWh/năm trở lên.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Mức sử dụng năng lượng (SEC) là tổng mức năng lượng sử dụng để sản xuất một đơn vị khối lượng sản phẩm.

2. Định mức sử dụng năng lượng là mức sử dụng năng lượng áp dụng cho từng loại sản phẩm cụ thể quy định tại Thông tư này.

3. Túi nhựa: là túi nylon sản xuất theo công nghệ ép đùn thổi màng.

4. Chai nhựa: là các loại chai sản xuất từ nhựa PET (Polyethylene Terephthalate) theo công nghệ thổi khuôn và chai khác sản xuất theo công nghệ đùn thổi.

5. Nhựa bao bì: là các sản phẩm màng nhựa (màng co PE (Polyethylene), màng bọc thực phẩm, màng bảo vệ, màng xốp hơi), bao bì nhiều lớp, băng dính dân dụng, tấm nhựa.

6. Nhựa vật liệu xây dựng: là các loại ống nhựa sử dụng trong xây dựng được sản xuất thông qua quá trình đùn tạo hình bằng vật liệu nhựa PVC (Polyvinylchloride), nhựa HDPE (High Density Polyethylene) và nhựa PPR (Polypropylene Random Copolymers).

7. Nhựa gia dụng: là các sản phẩm nhựa gia dụng sản xuất thông qua quá trình ép phun tạo hình như đồ dùng nhà bếp, đồ dùng phòng tắm, đồ dùng dọn dẹp, hộp đựng đồ, kệ đựng đồ, giỏ nhựa, đồ chơi nhựa, ghế ngồi, xe đẩy trẻ em, ghế, bàn nhựa, chậu cây, bình tưới nước.

---

bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương."

8. Nhựa kỹ thuật: là các sản phẩm nhựa kỹ thuật sản xuất thông qua quá trình ép phun tạo hình, trong đó không bao gồm sản phẩm nhựa kỹ thuật là linh kiện trong thiết bị điện - điện tử.

CHƯƠNG II
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG NGÀNH NHỰA VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 4. Phương pháp xác định mức sử dụng năng lượng

Mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa được xác định theo phương pháp được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

Điều 5. Định mức sử dụng năng lượng

Định mức sử dụng năng lượng áp dụng cho cơ sở sản xuất các sản phẩm nhựa, cụ thể:

Nhựa bao gói (kWh/kg)			Nhựa vật liệu xây dựng (kWh/kg)		Nhựa gia dụng (kWh/kg)	Nhựa kỹ thuật (kWh/kg)
Túi nhựa	Chai nhựa	Nhựa bao bì	PVC	HDPE&PPR		
0,95	1,45	0,62	0,35	0,58	1,0	1,0

Điều 6. Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa

1. Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, các cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương địa phương bằng văn bản theo phương thức gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Trang thông tin điện tử https://dataenergy.vn về tình hình thực hiện định mức sử dụng năng lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp thực hiện báo cáo qua trang thông tin điện tử https://dataenergy.vn, cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa có trách nhiệm liên hệ với Sở Công Thương để được lập và cung cấp tài khoản.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa, Sở Công Thương có ý kiến phản hồi, yêu cầu bổ sung thông tin (nếu có).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung thông tin của Sở Công Thương, cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

2. Trước ngày 31 tháng 03 hàng năm, Sở Công Thương báo cáo tình hình thực hiện định mức sử dụng năng lượng gửi Bộ Công Thương (Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững) bằng văn bản theo phương thức gửi trực tiếp

hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Trang thông tin điện tử https://dataenergy.vn theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

CHƯƠNG III[2]
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan việc thực hiện các quy định của Thông tư này.

2. Phối hợp với Sở Công Thương các địa phương kiểm tra tình hình thực hiện định mức sử dụng năng lượng đối với các cơ sở sản xuất nhựa thuộc đối tượng và phạm vi điều chỉnh tại Thông tư này.

3. Tổng hợp, thống kê số liệu định mức tiêu thụ năng lượng ngành công nghiệp nhựa từ báo cáo của các địa phương.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Hàng năm, chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở, xây dựng kế hoạch kiểm tra và kiểm tra việc tuân thủ quy định định mức sử dụng năng lượng của các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng áp dụng tại Thông tư này ở địa phương và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện định mức sử dụng năng lượng theo các nội dung của Thông tư này.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất ngành nhựa

1. Quản lý, giám sát quá trình sản xuất để xác định lượng năng lượng đã tiêu thụ.

2.[3] ***(được bãi bỏ)***

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

---

[2] Điều 3 của Thông tư số 12/2026/TT-BCT bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

[3] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 12/2026/TT-BCT bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 và thay thế Thông tư số 38/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành nhựa.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Thông tư./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 13/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Long

PHỤ LỤC I

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT SẢN PHẨM NHỰA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Phạm vi đo đạc, tính toán

Việc đo đạc, tính toán lượng năng lượng tiêu thụ thực hiện đối với dây chuyền sản xuất sản phẩm và năng lượng do các hệ thống thiết bị phụ trợ sử dụng phục vụ cho quá trình sản xuất ra sản phẩm (không bao gồm các khu vực khác như hành chính hay khu vực sản xuất các sản phẩm khác).

2. Thời gian đo đạc, tính toán: trong 01 (một) năm từ ngày 01 tháng 01 tới ngày 31 tháng 12.

3. Các thông số để xác định mức sử dụng năng lượng (SEC) trong các cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa:

Thông số	*Ý nghĩa (tính theo năm)*	*Đơn vị*
Psx	Tổng điện năng sử dụng phục vụ sản xuất	kWh
Ptt	Điện năng sử dụng trực tiếp cho các thiết bị trong dây chuyền sản xuất	kWh
Ppt	Điện năng sử dụng cho các thiết bị của hệ thống phụ trợ sản xuất	kWh
P	Sản lượng sản phẩm	Tấn

4. Mức sử dụng năng lượng (SEC) cho sản phẩm nhóm i của cơ sở sản xuất nhựa được xác định như sau:

$$SEC_i = \frac{P_{SXi}}{P_i \times 1000} \text{ (kWh/kg)} \qquad (1)$$

Trong đó:

- Psx_i: tổng điện năng phục vụ sản xuất sản phẩm nhóm i;

- P_i: sản lượng của sản phẩm i.

Psx_i được xác định theo công thức (2), cụ thể như sau:

$$Psx_i = Ptt_i + Ppt_i \qquad (2)$$

Trong đó:

- Ptt_i: Điện năng sử dụng trực tiếp cho các thiết bị trong dây chuyền sản xuất sản phẩm nhóm i;

- Ppt_i: Điện năng sử dụng cho các thiết bị của hệ thống phụ trợ sản xuất sản phẩm nhóm i.

* Riêng trường hợp sản xuất chai nhựa PET từ phôi PET, Psx_i được xác định theo công thức (3), cụ thể như sau:

$$Psx_i = 1{,}505 x Ptt_i + Ppt_i \quad (3)$$

Ptt_i được xác định thông qua hệ thống đồng hồ đo trực tiếp tại bộ phận sản xuất chai.

Ppt_i được tính toán và xác định như sau:

- Trường hợp có thể tách được điện năng của hệ thống phụ trợ sản xuất cho từng nhóm sản phẩm thông qua hệ thống đồng hồ đo, điện năng phụ trợ sản xuất sản phẩm nhóm i được xác định từ hệ thống đồng hồ đo tương ứng.

- Trường hợp không thể tách được điện năng của hệ thống phụ trợ sản xuất cho từng nhóm sản phẩm thông qua hệ thống đồng hồ đo, điện năng phụ trợ sản xuất sản phẩm nhóm i được xác định trên cơ sở tỷ lệ sản lượng của sản phẩm nhóm *i* trên tổng sản lượng các nhóm sản phẩm cùng sử dụng hệ thống phụ trợ, được xác định theo công thức (4) dưới đây:

$$Ppt_i = Ppt \, x \frac{P_i}{P} \quad (4)$$

Trong đó:

- Ppt_i: Điện năng sử dụng cho các thiết bị của hệ thống phụ trợ sản xuất sản phẩm nhóm i;

- Ppt: Điện năng sử dụng cho các thiết bị của hệ thống phụ trợ sản xuất các nhóm sản phẩm;

- P_i: Khối lượng sản phẩm nhóm i;

- P: Tổng khối lượng các nhóm sản phẩm cùng sử dụng hệ thống phụ trợ.

PHỤ LỤC II
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT NHỰA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Dùng cho Sở Công Thương)

UBND… **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...	*...., ngày... tháng... năm…*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT NHỰA
năm...

Kính gửi: Bộ Công Thương (Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững)

Thực hiện quy định của Thông tư số.../.../TT-BCT ngày.... tháng.... năm 20… của Bộ Công Thương quy định định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa, Sở Công Thương.... báo cáo tình hình thực hiện định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa thuộc địa bàn quản lý như sau:

I. Tình hình thực hiện định mức sử dụng năng lượng trong ngành nhựa:

- Số cơ sở báo cáo:…… cơ sở

- Số cơ sở không báo cáo:…… cơ sở

TT	Tên cơ sở
1	
2	
3	
…	

- Số cơ sở đạt định mức sử dụng năng lượng:…… cơ sở

TT	Tên cơ sở	Mức sử dụng năng lượng (kWh/kg)
1		
2		
3		
…		

- Số cơ sở chưa đạt định mức sử dụng năng lượng:…… cơ sở

TT	Tên cơ sở	Mức sử dụng năng lượng (kWh/kg)	Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và thời gian thực hiện
1			
2			
3			
…			

II. Đánh giá việc tuân thủ quy định của Thông tư số…../2024/TT-BCT

1. Về tình hình số lượng doanh nghiệp thuộc phạm vi và đối tượng điều chỉnh tại thông tư

- Tổng số doanh nghiệp:
- Số lượng doanh nghiệp thực hiện khai báo: chiếm…%
- Số lượng doanh nghiệp đạt định mức sử dụng năng lượng:…….. chiếm…%
- Số doanh nghiệp chưa đạt định mức sử dụng năng lượng:…… chiếm…%

2. Đánh giá nguyên nhân về các kết quả chưa đạt

3. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:
-
-

GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HÀNG NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Dùng cho các cơ sở sản xuất trong ngành nhựa)

Tên cơ sở sản xuất	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số.....	*...., ngày.... tháng.... năm....*

BÁO CÁO THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Kính gửi: - **Sở Công Thương tỉnh/thành phố**

[Tên cơ sở sản xuất] báo cáo tình hình thực hiện định mức sử dụng năng lượng năm [xxxx]

Ngày tháng năm nhận báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, xác nhận	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành:……..……

Tên cơ sở:……..……

Địa chỉ:……. [Tên Huyện....] [Tên Tỉnh……]

Điện thoại:…… Fax:…….., Email:..……

Trực thuộc (tên công ty mẹ):……

Địa chỉ:……. [Tên Huyện....] [Tên Tỉnh…….]

Điện thoại:…… Fax:…..……, Email:……...……

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

I. Thông tin về cơ sở và sản phẩm

Năm đưa cơ sở vào hoạt động	

Năng lực sản xuất của cơ sở

Năng lực SX / Tên sản phẩm	**Đơn vị đo (Tấn/năm)**	**Sản lượng theo thiết kế**	**Sản lượng năm báo cáo**

Năng lực SX / Tên sản phẩm	Đơn vị đo (Tấn/năm)	Sản lượng theo thiết kế	Sản lượng năm báo cáo
….			

Mức tiêu thụ năng lượng hiện tại *(Số liệu báo cáo thực hiện trong năm trước)*

Loại năng lượng	*Khối lượng*	*Đơn vị*	*Mục đích sử dụng*
Điện		kWh	

II. Tình hình thực hiện định mức sử dụng năng lượng năm 20……

[xxxx]

a) Mức sử dụng năng lượng (SEC): *(tính toán theo công thức trong Phụ lục I)*.

b) Tỷ lệ cải thiện mức sử dụng năng lượng so với năm trước: *(= [($SEC_{năm\ trước}$ - $SEC_{hiện\ tại}$)/ $SEC_{năm\ trước}$] x 100%)*.

c) Dự kiến $SEC_{dự\ kiến}$ năm tiếp theo: …….

d) Khả năng đạt được định mức sử dụng năng lượng theo kế hoạch:……...

e) Đề xuất giải pháp và kế hoạch thực hiện để đạt được định mức sử dụng năng lượng (nếu cơ sở chưa đạt định mức sử dụng năng lượng):……...

Người lập báo cáo	**Giám đốc**
(Ký và ghi rõ họ, tên)	(Ký tên và đóng dấu)